

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2023/HSST

Ngày: 18/9/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Ông Hoài Đức Huệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 218/2023/TLST-HS ngày 29/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N đối với bị cáo:

Nguyễn Văn B (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 30 tháng 04 năm 1992 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện VT, tỉnh Kiên Giang. Nơi ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn HP, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con Nguyễn Văn P (chết) và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1963 (còn sống). Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2008/HSST ngày 26/12/2008 của Tòa án nhân dân huyện N, B bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 và buộc nộp 100.000 đồng sung quỹ nhà nước và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đến ngày 17/9/2010, B chấp hành xong bản án.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2011/HSST ngày 06/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện N, B bị xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (thuộc trường hợp “tái phạm”) và buộc

nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. B kháng cáo và tại Bản án hình sự phúc thẩm số 369/2011/HSPT ngày 08/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt B 05 năm tù và buộc nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Đến ngày 30/9/2015 B chấp hành xong hình phạt tù, ngày 23/8/2023 B nộp án phí.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2017/HSST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai, B bị xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”), buộc bồi thường số tiền 1.300.000 đồng cho bị hại Trần Thị Y, buộc thanh toán cho Công ty tài chính TNHH HDS số tiền 17.152.661 đồng và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 922.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 10/9/2017, B nộp án phí, đến ngày 27/6/2020 B chấp hành xong hình phạt tù, chưa bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại.

Tiền sự: không.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 08/5/2023, sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay.

Bị cáo có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn B là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/5/2023, B đến khu vực đường giao thông nông thôn thuộc ấp BC, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Nai mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng để sử dụng. B cất giấu gói ma túy vào túi áo khoác bên trái rồi đi bộ trên đường thì bị Công an xã PT kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói nylon, kích thước 03cm x 2,5cm bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng (đã được niêm phong);

- 01 (một) điện thoại di động màu xanh, phía sau có chữ OPPO của B dùng liên lạc mua ma túy.

Tại Kết luận giám định số 977/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,7902 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,7594 gam.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo B đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 218/CT-VKS-NT ngày 25/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu số 977/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màu xanh, phía sau có chữ OPPO của B.

Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo B đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/5/2023, B đến khu vực đường giao thông nông thôn thuộc ấp BC, xã PT, huyện N, tỉnh Đồng Nai mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng để sử dụng có khối lượng: 0,7902 gam, loại Methamphetamine (Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,7594 gam). B cất giấu gói ma túy vào túi áo khoác bên trái rồi đi bộ trên đường thì bị Công an xã PT kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy; làm lan tràn tệ nạn xã hội nghiện ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Bản thân bị cáo đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích đã tái phạm, tái phạm nguy hiểm chứng tỏ bị cáo không khắc phục, sửa chữa bản thân, coi thường pháp luật, tiếp tục phạm tội, hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với

tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu số 977/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màu xanh, phía sau có chữ OPPO của B.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/8/2023).

[7] Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) đã bán ma túy cho bị cáo B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 298, 299, 326, 331, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 08/5/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu số 977/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màu xanh, phía sau có chữ OPPO của B.

(Các vật chứng nêu trên đã được chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện N lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/8/2023).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lợi